

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST

Ngày 11-7-2025

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hợp.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hồ Quang Minh;
- Bà Nguyễn Huỳnh Hường.

- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Đoàn Thuý Vân, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 11 tháng 7 năm 2025, tại Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 174/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2025, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 183/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Lê Văn T, sinh năm 1992; địa chỉ: Ấp T, xã S, tỉnh Cà Mau; có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1987; địa chỉ: Ấp D, xã Đ, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Lê Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị X sống chung năm năm 2012, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức hôn lễ, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ (K) theo quy định pháp luật, hiện vợ chồng đã ly thân nhau. Anh cho rằng cuộc sống chung không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn thường xuyên xảy ra và không hàn gắn được nên anh yêu cầu ly hôn với chị X.

Về con chung: Có 01 người con chung Lê Thị Thùy D, sinh ngày 09 tháng 8 năm 2012, hiện đang sống cùng với chị X, anh yêu cầu giao cháu D cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bạn công việc riêng, anh yêu cầu tòa án xét xử vụ án vắng mặt anh.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn Nguyễn Thị X đúng theo quy định pháp luật nhưng chị X không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn anh Lê Văn T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị X là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị X có nơi cư trú tại xã Đ, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, chị X đã được tòa án triệu tập xét xử hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ theo Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh chị tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ (K) vào năm 2012 đúng theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Xét nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, nhiều lần hằn gấn nhưng không thành, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện anh chị đã ly thân nhau. Anh T xác định không còn tình cảm vợ chồng và thể hiện sự quyết tâm mong muốn được ly hôn, chị X không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của anh T được ly hôn với chị X theo quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Anh chị có 01 người con chung Lê Thị Thùy D, sinh ngày 09 tháng 8 năm 2012 hiện đang sống cùng với chị X. Xét thấy, việc giao con chung cho người trực tiếp nuôi dưỡng cần căn cứ vào điều kiện cụ thể của các bên và cần duy trì sự ổn định trong cuộc sống vốn có của cháu, hiện cháu D đang sống cùng với chị X nên cần duy trì sự ổn định cuộc sống vốn có đối với các cháu là cần thiết; anh T yêu cầu chị X tiếp tục nuôi dưỡng con chung; chị X không tham dự các phiên giải quyết cũng như không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn. do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu D cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với kiện cụ thể các bên, đúng với quy định tại khoản 2 Điều

81 của Luật hôn nhân.

[5] Về cấp dưỡng: Anh T xác định yêu cầu không cấp dưỡng nuôi con chung; chị X không tham dự phiên toà cũng như không gửi ý kiến trình bày của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn. Do đó toà án không buộc anh T cấp dưỡng đối với cháu D trong vụ án này; trường hợp có phát sinh tranh chấp liên quan đến vấn đề cấp dưỡng, chị X có quyền khởi kiện trong một vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Anh T xác định không có, không yêu cầu toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp có phát sinh về tài sản chung, nợ chung thì các bên có quyền khởi kiện thành một vụ án khác theo quy định pháp luật.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc anh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình, chị X không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho anh Lê Văn T ly hôn chị Nguyễn Thị X.

2. Về con chung: Giao con chung Lê Thị Thùy D, sinh ngày 09 tháng 8 năm 2012 cho chị Nguyễn Thị X trực tiếp nuôi dưỡng; anh Lê Văn T không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Anh Lê Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai thu số 0005506 ngày 21 tháng 4 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận

bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 3 – Cà Mau;
- THADS tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Đá Bạc;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hợp